

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(Đã được soát xét)



NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trang

02 - 03

04

05 - 08

09 - 64

09 - 11

12

13 - 14

15 - 64



THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2013 từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") theo Quyết định số 2018/2013/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 09 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), trong đó:

- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí - là thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3022/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 08 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam". PVFC chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 03 năm 2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103023045 ngày 18 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động số 72/2008/GP-NHNN ngày 18 tháng 03 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Từ đó đến ngày 30 tháng 09 năm 2013, PVFC hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101057919 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 06 tháng 07 năm 2012.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 16/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp vào ngày 06 tháng 04 năm 1992 và Giấy phép thành lập Công ty số 124/NH-ĐKKD do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp vào ngày 28 tháng 04 năm 1992. WTB được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp vào ngày 05 tháng 06 năm 2007 và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 28 tháng 04 năm 2010.

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2013, PVFC và WTB chính thức chấm dứt hoạt động và chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101057919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Lâm	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Bùi Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Hương Nga	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2014)
Ông Đào Văn Chung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2016)
Bà Phạm Thu Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2016)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Điều hành và Kế toán trưởng trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Nam	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối đầu tư	(Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2014)
Ông Ngô Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối khách hàng doanh nghiệp lớn	(Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2014) (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Nhung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối khách hàng doanh nghiệp lớn	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 06 năm 2017)
Ông Dương Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2013)
Ông Phạm Huy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2016)
Ông Đoàn Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Khách hàng Doanh nghiệp	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2016)
Ông Đặng Thế Hiền	Giám đốc khối Tài chính - Kế toán	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2015)
Ông Phạm Đức Thắng	Giám đốc khối Quản lý và thu hồi nợ	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2016) (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2017)
Ông Mai Xuân Thuận	Giám đốc khối Quản lý và thu hồi nợ	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Giám đốc khối Quản trị rủi ro	(Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Nga	Giám đốc khối Vận hành	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Giám đốc khối Khách hàng cá nhân	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2016)
Ông Trần Thanh Quang	Giám đốc khối Công nghệ thông tin	(Tiếp nhận và bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2016) (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2017)
Ông Kiều Minh Thắng	Phó Giám đốc phụ trách khối Công nghệ thông tin	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2017)
Ông Lê Phi Hùng	Giám đốc phụ trách khối Quản trị nguồn nhân lực	(Tiếp nhận và bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2016)
Ông Trịnh Thế Phương	Giám đốc khối Pháp chế	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2015)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là ông Nguyễn Đình Lâm, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Phó Tổng Giám đốc ông Nguyễn Việt Hà được ủy quyền ký báo cáo theo Nghị quyết số 11/231/NQ-NB ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Ngân hàng.

Ban Điều hành Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 9 đến trang 64. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Việt Hà

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được lập ngày 08 tháng 11 năm 2017, từ trang 9 đến trang 64, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Tại ngày 31/12/2016 và ngày 30/06/2017, Ngân hàng chưa thực hiện phân loại nhóm nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN đối với các khoản cho vay của khách hàng. Nếu Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017 chỉ tiêu "Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng" sẽ tăng lên số tiền 25.015 triệu đồng, chỉ tiêu "Các khoản lãi, phí phải thu" và chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 35.129 triệu đồng và 60.144 triệu đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu năm 2017, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận trước thuế" sẽ giảm đi số tiền là 30.238 triệu đồng.

2. Tại ngày 31/12/2016 và ngày 30/06/2017, Ngân hàng chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng chung đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN (Chi tiết Thuyết minh số 12.4 - Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng). Nếu Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư" sẽ tăng lên số tiền 40.287 triệu đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền là 40.287 triệu đồng; trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu năm 2017, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận trước thuế" sẽ tăng lên đi số tiền là 6.754 triệu đồng.
3. Tại ngày 30/06/2017, Ngân hàng đang theo dõi khoản lãi phải thu quá hạn liên quan đến một nhóm khách hàng liên quan trên chỉ tiêu "Các khoản lãi, phí phải thu" với tổng số tiền là 301.657 triệu đồng (Chi tiết Thuyết minh số 16.3 - Các khoản lãi, phí phải thu). Đây là khoản lãi phải thu còn lại sau khi nhóm khách hàng này thực hiện hoàn trả dư nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo phương án xử lý nợ được thống nhất giữa hai bên trong năm 2015 và cần được ghi nhận vào chi phí trong năm 2015 theo đúng quy định hiện hành. Nếu Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định thì chỉ tiêu "Các khoản lãi, phí phải thu" và chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 30/06/2017 sẽ giảm đi với cùng một số tiền là 301.657 triệu đồng.
5. Tại ngày 31/12/2016 và ngày 30/06/2017, Ngân hàng chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác đầy đủ theo quy định hiện hành với số tiền là 272.679 triệu đồng. Nếu Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác" sẽ tăng lên số tiền là 272.679 triệu đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền là 272.679 triệu đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu năm 2017, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận trước thuế" sẽ giảm đi số tiền là 46.131 triệu đồng.
6. Trong năm 2015, Ngân hàng đã ghi nhận một khoản thu nhập từ thanh lý vốn góp đầu tư dài hạn là 129.867 triệu đồng khi thực hiện ủy thác một số chứng khoán niêm yết trong khoản mục đầu tư dài hạn cho một công ty khác và đánh giá lại giá trị của các chứng khoán này theo giá trị thị trường tại ngày ủy thác. Việc hạch toán thu nhập như trên là chưa thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác do Ngân hàng chưa hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu đối với các chứng khoán này sang cho đối tác. Nếu Ngân hàng ghi nhận giao dịch trên theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Đầu tư dài hạn khác" và chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" sẽ giảm đi với cùng số tiền là 129.867 triệu đồng.
7. Trong năm 2015, Ngân hàng đã ghi nhận một khoản thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro là 29.780 triệu đồng liên quan đến việc xử lý tài sản xiết nợ của khách hàng có khoản nợ đã được bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"). Theo Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và tổ chức tín dụng, Ngân hàng phải ghi nhận số tiền thu hồi này là một khoản phải trả VAMC và sẽ quyết toán khi trái phiếu VAMC đến hạn thay vì ghi vào thu nhập trong năm. Nếu Ngân hàng ghi nhận theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Các khoản phải trả và công nợ khác" sẽ tăng lên số tiền là 29.780 triệu đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.
8. Tại ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (Công ty con của Ngân hàng) đang nắm giữ một số chứng khoán vốn chưa niêm yết với tổng số tiền là 222.590 triệu đồng và đã trích lập dự phòng với tổng số tiền là 73.264 triệu đồng. Chúng tôi chưa thể thu thập được các thông tin giao dịch của các chứng khoán này tại ngày 30/06/2017 làm cơ sở đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Ngân hàng.

9. Trong năm 2015 và 06 tháng đầu năm 2017, Ngân hàng thực hiện ghi nhận một số khoản thu nhập từ bán một số khoản đầu tư chứng khoán vốn và khoản đầu tư dài hạn chưa thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác do chưa chuyển giao các rủi ro từ nắm giữ các cổ phần này (Chi tiết Thuyết minh số 16.2 - Các khoản phải thu - Ghi chú 10, Thuyết minh số 28 - Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư và Thuyết minh số 30 - Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần). Nếu Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, chỉ tiêu "Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán", chỉ tiêu "Đầu tư dài hạn khác", chỉ tiêu "Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn" và chỉ tiêu "Các khoản phải trả và công nợ khác" tăng lên lần lượt là 51.421 triệu đồng, 228.732 triệu đồng, 11.778 triệu đồng, và 1.000 triệu đồng, chỉ tiêu "Các khoản phải thu" và Chỉ tiêu "Lợi chuẩn sau thuế chưa phân phối" giảm lần lượt là 557.477 triệu đồng và 290.102 triệu đồng, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2017 giảm số tiền là 138.067 triệu đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, căn cứ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các vấn đề sau:

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 16.2 - Các khoản phải thu, tại ngày 30/06/2017, Ngân hàng đang ghi nhận một khoản phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 14.130 triệu đồng liên quan đến các chi phí tư vấn niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trên sàn chứng khoán Singapore phát sinh chủ yếu từ năm 2008. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ngân hàng chưa hoàn thành các thủ tục quyết toán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam các khoản chi phí tư vấn nêu trên.
2. Như trình bày tại Thuyết minh số 5.2 - Cho vay các TCTD khác và Thuyết minh số 12.1 - Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, Thuyết minh số 12.2 - Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, Ngân hàng phát sinh khoản cho vay đối với một tổ chức tín dụng khác và đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Trảng Tiền, Công ty Cổ phần May Diêm Sài Gòn, Công ty Cổ phần Mangan Việt Bắc đã quá hạn nợ gốc và/hoặc nợ lãi, được gia hạn nợ. Trong kỳ và tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ngân hàng đang tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển giao trái phiếu Trảng Tiền, thu hồi một phần nợ gốc, lãi từ khoản cho vay tổ chức tín dụng khác và các khoản đầu tư trái phiếu còn lại theo các thỏa thuận, cam kết với các bên có liên quan. Do đó, Ngân hàng chưa áp dụng chính sách trích lập dự phòng rủi ro và thoái thu lãi đối với các khoản nợ này theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 2.10 - Các khoản cho vay khách hàng và Thuyết minh số 2.20 - Thu nhập và chi phí lãi.

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 2.3 - Các chính sách kế toán riêng áp dụng theo Đề án tái cơ cấu Ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020, Thuyết minh số 8 - Cho vay khách hàng, Thuyết minh số 9 - Ứng trước cho khách hàng, Thuyết minh số 10 - Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng, Thuyết minh số 12 - Chứng khoán đầu tư và Thuyết minh số 16 - Tài sản có khác, Ngân hàng đã áp dụng một số chính sách kế toán riêng để thực hiện các biện pháp xử lý tài chính liên quan đến việc trích lập dự phòng, thoái lãi dự thu. Các chính sách kế toán riêng này được xây dựng trên cơ sở kết quả làm việc giữa Ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước, cũng như các nội dung trong Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	376.613	387.198
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	2.863.793	2.786.192
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	9.006.601	7.691.574
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		5.933.425	4.947.878
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		3.088.715	2.759.235
3	Dự phòng rủi ro		(15.539)	(15.539)
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	53.349	3.051.388
1	Chứng khoán kinh doanh		63.242	3.120.279
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(9.893)	(68.891)
VI	Cho vay và ứng trước cho khách hàng		55.744.171	49.399.351
1	Cho vay khách hàng	8	56.166.926	49.765.426
2	Ứng trước cho khách hàng	9	460.371	460.371
3	Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng	10	(883.126)	(826.446)
VII	Hoạt động mua nợ	11	52.938	370.323
1	Mua nợ		53.338	372.480
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(400)	(2.157)
VIII	Chứng khoán đầu tư	12	22.711.214	25.592.134
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		17.383.834	19.036.929
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.468.789	6.634.279
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(141.409)	(79.074)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	2.131.157	2.434.071
3	Đầu tư vào công ty liên kết		1.500	1.500
4	Đầu tư dài hạn khác		2.167.558	2.476.304
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(37.901)	(43.733)
X	Tài sản cố định		650.963	760.501
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	423.297	455.408
a	Nguyên giá TSCĐ		845.845	843.760
b	Hao mòn TSCĐ		(422.548)	(388.352)
3.	Tài sản cố định vô hình	15	227.666	305.093
a	Nguyên giá TSCĐ		327.058	398.637
b	Hao mòn TSCĐ		(99.392)	(93.544)
XI	Bất động sản đầu tư		3.446	3.446
a	Nguyên giá BĐSĐT		3.446	3.446
XII	Tài sản Có khác	16	22.988.284	21.606.725
1	Các khoản phải thu		6.252.094	4.710.050
2	Các khoản lãi, phí phải thu		10.635.220	9.841.586
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		30.647	30.647
4	Tài sản Có khác		6.387.217	7.344.238
	- Trong đó: Lợi thế thương mại	17	945.290	946.121
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(316.894)	(319.796)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			116.582.529	114.082.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	237.904	244.686
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	10.660.553	13.433.684
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		5.876.243	6.729.094
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		4.784.310	6.704.590
III	Tiền gửi của khách hàng	20	87.464.743	83.483.264
IV	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	7	13.587	27.360
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		783	247
VI	Phát hành giấy tờ có giá		20	20
VII	Các khoản nợ khác		8.141.673	6.851.565
1	Các khoản lãi, phí phải trả		944.178	1.315.731
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		7.229	7.139
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21	7.190.266	5.528.695
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		106.519.263	104.040.826
VIII	Vốn chủ sở hữu	22	10.063.266	10.042.077
1	Vốn của tổ chức tín dụng		8.993.434	8.993.434
a	Vốn điều lệ		9.000.000	9.000.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		2.000	2.000
d	Cổ phiếu quỹ		(8.566)	(8.566)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		707.391	669.320
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.180)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối		98.165	112.883
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		267.456	266.440
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		116.582.529	114.082.903

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

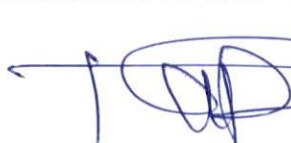
STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
2	Cam kết giao dịch hối đoái		1.291.178	4.218.035
a	Cam kết mua ngoại tệ		77.586	199.431
b	Cam kết bán ngoại tệ		78.483	204.993
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		1.135.109	3.813.611
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.734.653	1.167.556
5	Bảo lãnh khác		5.455.287	5.248.538

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán



Đặng Thế Hiền

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 Triệu VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	3.026.630	2.379.084
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	2.825.814	2.216.986
I	Thu nhập lãi thuần		200.816	162.098
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		38.101	70.506
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		42.258	42.913
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	25	(4.157)	27.593
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	(7.211)	796
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	18.453	39.594
V	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	157.819	(70.068)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		400.761	636.333
6	Chi phí hoạt động khác		165.781	162.045
VI	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	29	234.980	474.288
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	123.509	132.634
VIII	Chi phí hoạt động	31	632.476	712.063
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		91.733	54.872
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		54.923	19.060
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		36.810	35.812
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		11.350	849
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		90	(464)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	11.440	385
XIII	Lợi nhuận sau thuế		25.370	35.427
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.260	1.730
XV	Lợi nhuận của Ngân hàng		24.110	33.697
XVI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	22.2	27	37

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán

Phó Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thanh Huyền

Đặng Thế Hiền

Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			Triệu VND	Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.232.996	1.931.953
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.196.560)	(2.194.070)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(3.640)	27.593
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		231.396	(15.906)
05	Thu nhập khác		127.189	470.568
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		15	22
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(631.505)	(659.324)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(1.192)	(1.542)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(1.241.301)	(440.706)
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(329.480)	283.198
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		5.875.622	(829.733)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	1.745
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.082.358)	(1.903.679)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(478.609)	(5.591.682)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		(6.782)	(733.268)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(2.773.131)	(6.033.033)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		3.981.479	11.584.502
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		536	-
20	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(16.953)	7.912
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		1.683.697	509.324
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(413)	-
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		612.307	(3.145.420)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)


STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
			Triệu VND	Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(42.215)	(50.034)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		140.742	939
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	(358)
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(9.037)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		280.186	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		61.543	132.634
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		440.256	74.144
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.052.563	(3.071.276)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		8.105.729	9.725.691
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	33	9.158.292	6.654.415

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

Kế toán trưởng

Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Huyền





Đặng Thế Hiển

Nguyễn Việt Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập ngày 01 tháng 10 năm 2013 từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") theo Quyết định số 2018/2013/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 09 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), trong đó:

- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí - là thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3022/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 08 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam". PVF chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 03 năm 2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103023045 ngày 18 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động số 72/2008/GP-NHNN ngày 18 tháng 03 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Từ đó đến ngày 30 tháng 09 năm 2013, PVFC hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101057919 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 06 tháng 07 năm 2012.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 16/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp vào ngày 06 tháng 04 năm 1992 và Giấy phép thành lập Công ty số 124/NH-ĐKKD do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp vào ngày 28 tháng 04 năm 1992. WTB được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp vào ngày 05 tháng 06 năm 2007 và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 28 tháng 04 năm 2010.

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2013, PVFC và WTB chính thức chấm dứt hoạt động và chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101057919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng;
- Tham gia thị trường tiền tệ: mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Ủy thác, nhận ủy thác đầu tư; ủy thác quản lý vốn theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các giao dịch ngoại tệ;
- Thực hiện các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá;
- Cung ứng các dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 9.000 tỷ VND (Chín nghìn tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, bốn mươi một (41) chi nhánh, sáu mươi tư (64) phòng giao dịch, bốn (04) quỹ tiết kiệm và sáu (06) công ty con.

Công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 30/06/2017 của Ngân hàng là:

Công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam (Mỹ Khê)	Du lịch	99,95%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)	Chứng khoán	51,17%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)	Quản lý quỹ	99,97%
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PAMC)	Quản lý tài sản	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ	Bất động sản	94,00% (sở hữu gián tiếp qua PAMC)
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Quảng Bình	Khai thác mỏ	99,95% (sở hữu gián tiếp qua Mỹ Khê)
Công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng chất DMC	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch lữ hành	30% (gián tiếp qua Mỹ Khê)

Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các công ty con là 4.406 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.295 người).

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1. Năm tài chính và đơn vị tiền tệ**

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 . Các chính sách kế toán riêng áp dụng theo Đề án tái cơ cấu Ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020

Trong năm 2015, Ngân hàng đã lập và đệ trình Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020 lên Ngân hàng Nhà nước. Trong đó, Ngân hàng đã trình bày thực trạng tình hình tài chính sau 02 năm hợp nhất, kết quả thực hiện hợp nhất và nêu một số kiến nghị xử lý tài chính hỗ trợ quá trình tái cơ cấu sau khi hợp nhất. Ngân hàng Nhà nước đã xem xét, lấy ý kiến các cơ quan Nhà nước khác có liên quan và đệ trình lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, từ năm 2015, Ngân hàng đã áp dụng các kiến nghị trong Đề án như sau:

- Thực hiện các biện pháp xử lý nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 đối với nhóm khách hàng Vinashin, Vinalines, nhóm khách hàng liên quan đến cổ đông cũ của Ngân hàng TMCP Phương Tây ("WTB") - đơn vị hợp nhất thành Ngân hàng, và nhóm khách hàng trước đây chưa được xác định kỳ hạn trả nợ hợp lý;
- Xử lý các khoản đầu tư kế thừa từ WTB theo lộ trình từ năm 2015 đến năm 2024;
- Được thực hiện cho vay trả lãi đối với nhóm khách hàng trước đây xác định kỳ hạn trả nợ chưa phù hợp trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật và các điều kiện nêu trong Đề án tái cơ cấu;
- Chấp thuận về nguyên tắc lộ trình xử lý giảm tỷ lệ góp vốn vượt 11% vốn điều lệ tại một số doanh nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2018;
- Sử dụng các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế để xử lý các tổn thất tài chính từ trước khi hợp nhất;
- Bán nguyên trạng một số khoản nợ cho VAMC, không thực hiện trích lập dự phòng bổ sung, đồng thời thoái lui dự thu trong 10 năm theo khả năng tài chính của Ngân hàng.

Ngoài ra, trên cơ sở các báo cáo của Ngân hàng gửi cho Ngân hàng Nhà nước, kết quả làm việc giữa Ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước về Đề án tái cơ cấu liên quan đến các trái phiếu đặc biệt VAMC, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cho trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu dựa vào khả năng tài chính của Ngân hàng.

2.4 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Ngân hàng kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Ngân hàng, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng.

2.5 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Điều hành Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Điều hành không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.6 . Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của tổ chức tín dụng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ là USD được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.7 . Các khoản đầu tư chứng khoán

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hần và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc (giá mua) vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi; Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua) vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Điều hành có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.